

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY CÁT TIÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Cát Tiên, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Số 888*-CV/HU
về việc báo cáo tổng kết việc
thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

Kính gửi: - Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thực hiện Công văn số 2267-CV/BNCTU ngày 10/3/2023 của Ban Nội chính Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc đề nghị báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, **Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo như sau:**

1. Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản (gửi kèm theo Công văn số 2267-CV/BNCTU ngày 10/3/2023 của Ban Nội chính Tỉnh ủy Lâm Đồng).
2. Thời gian gửi báo cáo tổng kết việc thực hiện chỉ thị về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy) trước ngày 24/3/2023.
3. Giao Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng báo cáo tổng kết việc thực hiện chỉ thị theo quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy,
- Ban Tổ chức Huyện ủy,
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Đương Hùng Cường

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW, ngày 03/01/2014
của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản**

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 33-CT/TW

1. Khái quát đặc điểm, tình hình

Khái quát đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn liên quan trực tiếp đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW và các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW

2.1. Công tác phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai phổ biến, quán triệt (*hội nghị, qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn...*); số lượng các cuộc quán triệt; số tài liệu được phát hành;
- Số lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham gia học tập, quán triệt;
- Đánh giá kết quả phổ biến, quán triệt (*nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với nội dung, tinh thần Chỉ thị*).

2.2. Kết quả ban hành các văn bản, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị:

- Các văn bản ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện (*nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu*).
- Đánh giá chất lượng của các văn bản được ban hành (*bao gồm cả văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan, tổ chức, địa phương*).

2.3. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

2.4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chậm tổ chức việc kê khai, không kê khai, kê khai không trung thực, không giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm; không tổ chức việc công khai bản kê khai; không chủ động xác minh hoặc không xử lý kịp thời những vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

2.5. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

3. Kết quả thực hiện việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập

3.1. Kết quả kê khai tài sản, thu nhập

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai.
- Tổng số người phải kê khai.
- Số người đã thực hiện kê khai...(đạt %...).
- Số người chậm thực hiện kê khai...(chiếm... %); lý do.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.2. Kết quả công khai bản kê khai

- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết.
- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp.
- Số bản kê khai chưa được công khai; lý do.
- Số chi ủy tổ chức công khai bản kê khai tài sản trong sinh hoạt chi bộ.
- Số cấp ủy tổ chức công khai bản kê khai tài sản trong sinh hoạt cấp ủy.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.3. Kết quả kiểm tra, xác minh tài sản, thu nhập

- Số người được xác minh do có đơn tố cáo kê khai tài sản không trung thực trong việc kê khai;
- Số người được xác minh để có thông tin phục vụ việc bầu cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật;
- Số người được kiểm tra, xác minh khi có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý;
- Số người được kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.4. Kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập; kết quả phát hiện, xử lý vi phạm quy định về kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (tổng số

cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra/tổng số kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra/đối tượng kiểm tra, giám sát, thanh tra). Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

- Kết quả phát hiện, xử lý vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập:

+ Số cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị xử lý do chậm tổ chức việc kê khai; hình thức xử lý.

+ Số cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị xử lý do không tổ chức việc công khai bản kê khai; hình thức xử lý.

+ Số người bị xử lý do kê khai tài sản không trung thực; hình thức xử lý.

+ Số người bị xử lý do không giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm; hình thức xử lý.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

3.5. Việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập

- Việc hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (*theo chức năng, nhiệm vụ*).

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn.

- Việc kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

- Việc luật hóa các nội dung về minh bạch tài sản theo yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, hạn chế chi tiêu bằng tiền mặt.

Đánh giá ưu điểm, kết quả đạt được.

4. Việc thực hiện chế độ báo cáo

Việc thực hiện thời hạn gửi báo cáo đối với cấp trên, cơ quan thẩm quyền; chất lượng báo cáo.

II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Trong cụ thể hóa, ban hành văn bản, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Trong thể chế hóa, xây dựng và hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Trong thực hiện việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập theo Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan.

- Trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với những người có chức vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành.

- Hạn chế, khó khăn, vướng mắc khác (nếu có).

2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Nêu nguyên nhân khách quan, chủ quan và nguyên nhân khác (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đánh giá khái quát về ưu điểm, kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị 33/CT-TW đã nêu, cũng như kết quả thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập và việc kiểm soát tài sản, thu nhập của những người có chức vụ, quyền hạn; việc khắc phục những hạn chế được nêu trong Chỉ thị số 33-CT/TW.

- Đánh giá những khuyết điểm, hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị 33/CT-TW đã nêu, cũng như các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là tính hiệu quả của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (*việc kê khai còn mang tính hình thức không; đã kiểm soát được tài sản của đối tượng thuộc diện kê khai chưa? việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc như thế nào...?*).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC KÊ KHAI VÀ KIỂM SOÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp

- Những phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập tại các cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Những giải pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập của những người trong diện kê khai.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với vấn đề kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập; những giải pháp để kiểm tra chặt chẽ tài sản, thu nhập; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra; xử lý vi phạm... nhất là việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc.

2.2. Đối với Chỉ thị số 33-CT/TW, có cần ra Chỉ thị mới của Bộ Chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo đối với vấn đề kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập; kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập đối với người thuộc diện phải kê khai, hay ban hành Kết luận của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị.

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:**PHỤ LỤC 01****CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN CHỈ THỊ 33-CT/TW**

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng.....năm....)

| Năm | Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị | | | Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo | | Ghi chú |
|----------------|--|---|---|---|--|----------------|
| | Số lượng các cuộc quán triệt: các hội nghị, các lớp tập huấn... được tổ chức | Số lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham gia học tập | Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành | Số lượng văn bản do các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy và các cơ quan, tổ chức trực thuộc Tỉnh ủy; các huyện ủy, thành ủy ban hành để chỉ đạo, tổ chức thực hiện | Số lượng văn bản do cấp ủy, chính quyền các cấp, các đơn vị chức năng ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện | |
| 2014 | | | | | | |
| 2015 | | | | | | |
| 2016 | | | | | | |
| 2017 | | | | | | |
| 2018 | | | | | | |
| 2019 | | | | | | |
| 2020 | | | | | | |
| 2021 | | | | | | |
| 2022 | | | | | | |
| 2023 | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | |

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KÊ KHAI, CÔNG KHAI VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng.....năm....)

[illegible]

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
VỀ KÊ KHAI VÀ KIỂM SOÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng.....năm....)

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | khai tài sản không trung thực; hình thức xử lý | | | | | | | | | | | | |
| | - Khiển trách | | | | | | | | | | | | |
| | - Cảnh cáo | | | | | | | | | | | | |
| | - Hình thức khác | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Số người bị xử lý do không giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm; hình thức xử lý | | | | | | | | | | | | |
| | - Khiển trách | | | | | | | | | | | | |
| | - Cảnh cáo | | | | | | | | | | | | |
| | - Hình thức khác | | | | | | | | | | | | |

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC 04B

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THANH TRA VIỆC KÊ KHAI VÀ KIỂM SOÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Kèm theo Báo cáo số.....ngày.....tháng.....năm....)

| Năm | Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra, giám sát, thanh tra | Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra đã triển khai | Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra đã có kết luận | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có kết luận vi phạm | Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật | Ghi chú |
|-----|---|--|---|--|---|---|---------|
| | Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra theo kế hoạch | Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra | | | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót | |

[illegible]

| | | | | | | | | | |
|-----------|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Huyện | | | | | | | | | |
| Sở, ngành | | | | | | | | | |
| 2020 | | | | | | | | | |
| Tỉnh | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | |
| Sở, ngành | | | | | | | | | |
| 2021 | | | | | | | | | |
| Tỉnh | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | |
| Sở, ngành | | | | | | | | | |
| 2022 | | | | | | | | | |
| Tỉnh | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | |
| Sở, ngành | | | | | | | | | |
| 2023 | | | | | | | | | |
| Tỉnh | | | | | | | | | |
| Huyện | | | | | | | | | |
| Sở, ngành | | | | | | | | | |
| Tổng số : | Tỉnh | | | | | | | | |
| | Huyện | | | | | | | | |
| | Sở, ngành | | | | | | | | |